

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 8 năm 2024
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con
và chia tài sản chung khi ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Khương Đặng Khánh Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà

Ông Lê Thanh Sơn

Thư ký phiên toà: Ông Nghiêm Xuân Huy - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 19/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐST - HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Gi, sinh năm 1985; Địa chỉ HKTT: Thôn Y, xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; Hiện cư trú: Thôn Tr, xã Nh, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn Y, xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 21/02/2024, những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Gi trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H ngày 28/10/2003 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L nay là huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và không bị ai lừa dối, ép buộc kết hôn. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh H ngay. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm về làm ăn phát triển kinh tế dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau, anh H nhiều lần đánh và đe dọa uy hiếp tinh thần đối với chị. Đến tháng 9 năm 2023 mâu thuẫn trầm trọng, anh H đuổi đánh chị ra khỏi nhà nên chị phải về nhà mẹ đẻ ở tại thôn Trần Phú, xã Nh và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Khi vợ chồng sống ly thân hai bên không có biện pháp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Sau khi đuổi chị ra khỏi nhà, anh H cũng đuổi cả hai con ra khỏi nhà. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Tr sinh ngày 29/7/2004 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 20/9/2009. Hiện nay cháu Tr đã thành niên, đã tự túc lao động nên không đề nghị giải quyết. Còn cháu H hiện nay đang ở cùng chị. Ly hôn chị đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm nhân viên chăm sóc thẩm mỹ với mức thu nhập bình quân khoảng 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị đề nghị chia tài sản chung vợ chồng gồm diện tích đất ở 168 m² (diện tích đo đạc hiện trạng 207 m² trong đó 168 m² đất ở và 39 m² đất vườn), tại thửa số 272, tờ bản đồ 24, tại thôn Y, xã L, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc (đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Văn H năm 2013). Tài sản trên đất là 01 nhà hai tầng xây gạch đổ mái bằng được xây dựng năm 2017, sân lối đi bê tông, giếng nước, tường rào, cổng, mái tôn, cây sấu. Nguồn gốc tài sản là do vợ chồng chị làm ăn, tiết kiệm mà có được để mua đất và xây dựng các công trình trên đất.

Trước đây nhà và đất do anh H quản lý, sử dụng cho đến tháng 5 năm 2024 anh H đi xuất khẩu lao động. Khi ly hôn, chị đề nghị chia tài sản chung là nhà, đất theo hướng mỗi người được hưởng ½ giá trị. Chị xác định sau khi bị anh H đuổi chị và các con ra khỏi nhà thì chị và cháu H không có chỗ ở, phải đi ở nhờ và hiện nay anh H đã đi nước ngoài, nên chị đề nghị được giao sử dụng tài sản là

nhà, đất và chi thanh toán 1/2 tài sản cho anh H bằng tiền theo giá trị mà hội đồng định giá đã định giá. Đối với các tài sản khác là vật dụng sinh hoạt trong nhà chi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung và không cho ai vay nợ nên không đề nghị giải quyết.

Về án phí: Chi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án có quan điểm trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh H xác nhận về điều kiện kết hôn, thời điểm kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống và thời điểm vợ chồng sống ly thân như chị Gi trình bày là đúng. Khi chị Gi về nhà mẹ đẻ ở xã Nh, anh có đến đón một lần nhưng chị Gi không đồng ý về ở chung cùng anh vì chị Gi có nói không còn tình cảm với anh. Nay anh H xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể chung sống nhưng anh không đồng ý ly hôn để cho các con có đủ cả bố mẹ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Tr, sinh ngày 29/7/2004 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 20/9/2009. Hiện cháu Tr đã thành niên nên việc cháu ở cùng ai do cháu lựa chọn. Cháu H đang ở cùng chị Gi và anh cũng đề nghị được nuôi cháu H, không yêu cầu chị Gi phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là diện tích đất ở 168 m² tại thửa đất số 272, tờ bản đồ số 24, tại thôn Y, xã L, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh năm 2013. Nguồn gốc đất do vợ chồng mua của vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị Thu H năm 2013 với giá 300.000.000 đ (ba trăm triệu đồng), 01 nhà hai tầng xây gạch đỏ mái bằng xây dựng năm 2017 với giá 800.000.000 đ (tám trăm triệu đồng). Nhà và đất do anh đang quản lý, sử dụng. Do anh không đồng ý ly hôn nên anh không đồng ý giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

Về công nợ, công sức: Anh không đề nghị giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng thì nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 29, Điều 33, Điều 38, Điều 39, Điều 59, Điều 62; Điều 81, Điều 82, Điều 83; Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228 và Điều 471 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị Gi được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về nuôi con: Đề nghị giao cho chị Gi được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Hiện nay cháu Hoàng đang ở cùng chị Gi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Xác nhận tài sản chung của vợ chồng anh H và chị Gi là diện tích đất tại thửa đất số 272, tờ bản đồ 04 diện tích 168 m² đất ở (diện tích đo đạc thực tế 207 m²) tại thôn Y, xã L, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Trên đất có nhà hai tầng và các công trình xây dựng khác. Đề nghị giao cho chị Gi được sử dụng toàn bộ tài sản là đất, nhà và có trách nhiệm thanh toán ½ giá trị tài sản cho anh H theo như giá của hội đồng định giá đã định giá.

Về công nợ: không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Gi phải chịu nộp án phí hôn nhân theo quy định pháp luật. Chị Gi và anh H phải chịu nộp án phí phân chia tài sản theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn H có mặt tại Tòa án nhân dân huyện Sông Lô giải quyết vụ án. Tuy nhiên đến tháng 5 anh H đã đi xuất khẩu lao động. Tòa án đã tiến hành xác minh tại cục quản lý xuất nhập cảnh xác định anh H đã xuất nhập cảnh 09 lần, lần cuối xuất cảnh ngày 25/5/2024 và hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Sông Lô tiếp tục giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho em trai anh H là anh H nhận thay và cam kết thông báo lại nội dung cho anh H biết. Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Gi và anh H là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Lập Thạch nay là huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm về làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên khi chung sống thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, anh H nhiều lần đe dọa, uy hiếp tinh thần chị Gi và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2023 đến nay, không quan tâm, liên lạc với nhau. Xác minh tại UBND xã L thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị Gi và anh H mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, việc chị Gi xin ly hôn anh H là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Anh H cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh xin đoàn

tụ vì các con. Trong khi Tòa án đang giải quyết vụ án, anh H đã bỏ đi nước ngoài, không thông báo cho Tòa án, không hợp tác đến Tòa án làm việc thể hiện anh H cố tình gây khó khăn cho chị Gi và không có mong muốn thật tâm để vợ chồng về đoàn tụ. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Gi được ly hôn anh H.

[3] Về nuôi con chung: Chị Gi và anh H có 02 con chung là Nguyễn Thị Tr, sinh ngày 29/7/2004 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 20/9/2009. Hiện cháu Tr đã thành niên và đã đi làm nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Ly hôn chị Gi và anh H đều có quan điểm được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay con đang ở cùng chị Gi ổn định và anh Hiến cũng không có mặt tại địa phương. Quá trình giải quyết vụ án cháu H có ý kiến nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Do vậy để tránh sự xáo trộn trong sinh hoạt và đảm bảo sự phát triển toàn diện của con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Gi về người trực tiếp nuôi dưỡng con, cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự:

Chị Gi yêu cầu giải quyết đối với tài sản chung là diện tích đất ở 168 m² (đo đạc hiện trạng 207 m², trong đó 168 m² đất ở và 39 m² đất vườn) tại thửa đất số 272, tờ bản đồ 24, địa chỉ: Thôn Y, xã L, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc và tài sản trên đất là 01 nhà 02 tầng, 01 giếng nước, sân lối đi bê tông, tường rào xây gạch xi, đá ong, mái tôn, cổng và 01 cây sấu. Quá trình giải quyết, các đương sự đều thừa nhận và xác định diện tích đất, công trình nhà 02 tầng và các tài sản nêu trên là tài sản chung của vợ chồng được hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Nguồn gốc tài sản là do vợ chồng làm ăn, tích góp có được. Kết quả đo đạc hiện trạng diện tích đất tăng, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương, làm việc với các hộ giáp ranh xác định đất không có tranh chấp mốc giới, không lấn chiếm đất công. Ly hôn chị Gi yêu cầu chia đôi và đề nghị được giao quản lý, sở hữu, sử dụng nhà, đất, tài sản trên đất và thanh toán giá trị thành tiền tương ứng giá trị ½ tài sản theo giá hội đồng định giá cho anh H.

Căn cứ vào hiện trạng, hình thể thửa đất cũng như công trình nhà và các tài sản đã xây dựng kiên cố trên đất nếu phân chia bằng hiện vật cho cả hai cùng sử dụng thì không đảm bảo về giá trị thửa đất. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giao toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu công trình xây dựng, các tài sản gắn liền trên đất cho một bên sử dụng và bên được giao tài sản phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán ½ giá trị tài sản chung cho bên còn lại bằng tiền theo giá mà hội đồng định giá đã định giá. Quá trình giải quyết vụ án đến ngày 25/5/2024 anh H vẫn đến Tòa án làm việc, tham gia định giá và xem xét thẩm định tại chỗ. Anh H cũng không có ý kiến gì về kết quả xem xét thẩm định tại

chỗ và định giá tài sản. Sau khi vợ chồng sống ly thân mặc dù anh H là người quản lý tài sản nhưng đến nay anh H đã đi xuất khẩu lao động và không có mặt tại địa phương. Trong khi đó chị Gi và cháu H không có chỗ ở, đang phải đi ở nhờ nên cần tạo điều kiện cho chị Gi và cháu H có chỗ ở ổn định cuộc sống và học tập sau khi ly hôn. Do vậy cần giao toàn bộ tài sản chung vợ chồng cho chị Gi quản lý, sở hữu, sử dụng là phù hợp và chị Gi có nghĩa vụ thanh toán cho anh H $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản tương ứng bằng tiền theo quy định tại Điều 59 và Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá: đất ở $8.000.000 \text{ đ}/1\text{m}^2 \times 168 \text{ m}^2 = 1.344.000.000 \text{ đ}$; đất vườn $2.500.000 \text{ đ}/1 \text{ m}^2 \times 39 \text{ m}^2 = 97.500.000 \text{ đ}$, 01 nhà hai tầng xây gạch chịu lực, sàn mái bằng bê tông cốt thép, chống nóng mái tôn vì kèo trị giá $528.670.800 \text{ đ}$, 01 sân lối đi bê tông trị giá $7.888.650 \text{ đ}$, tường rào xây gạch xi, đá ong, gạch thủ công không trát trị giá $5.511.207 \text{ đ}$, cổng trị giá $3.381.500 \text{ đ}$, mái tôn trị giá $13.950.000 \text{ đ}$, 01 giếng nước trị giá $6.330.240 \text{ đ}$, 01 cây sấu trị giá $1.500.000 \text{ đ}$. Tổng trị giá tài sản $2.008.732.000 \text{ đ}$ (hai tỷ không trăm lẻ tám triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn đồng đã làm tròn). Do chị Gi được giao sử dụng toàn bộ tài sản nhà, đất nên chị Gi phải có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho anh H bằng tiền là $2.008.732.000 \text{ đ} : 2 = 1.004.366.000 \text{ đồng}$ (một tỷ không trăm linh bốn triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Đối với các tài sản là vật dụng sinh hoạt trong gia đình chị Gi không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về Chị Gi và anh H xác định vợ chồng không có nợ chung, không có công sức chung và không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí, chi phí tố tụng: Đối với chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản chị Gi đã nộp và tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Gi phải chịu 300.000 đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Gi và anh H mỗi người phải chịu án phí giá ngạch tương ứng đối với giá trị phần tài sản được hưởng là $= 36.000.000 \text{ đ} + 3\% \times (1.004.366.000 \text{ đ} - 800.000.000 \text{ đ}) = 42.131.000 \text{ đ}$ (bốn mươi hai triệu một trăm ba mươi một nghìn đồng đã làm tròn).

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 29, Điều 33, Điều 38, Điều 39, Điều 59, Điều 62; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 471 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Gi.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Gi được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về nuôi con: Chị Nguyễn Thị Gi được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con là Nguyễn Minh H, sinh ngày 20/9/2009, hiện nay cháu Hoàng đang ở cùng chị Gi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Gi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung: Chia cho chị Nguyễn Thị Gi được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất 272, tờ bản đồ số 24, diện tích đất đo đạc hiện trạng 207 m² (trong đó 168 m² đất ở và 39 m² đất vườn) theo các chỉ giới 1,2,3,4,5,6,7,8,1 có địa chỉ: thôn Y, xã L, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc (đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Văn H năm 2013) và được sở hữu, sử dụng các tài sản gắn liền với đất là 01 nhà hai tầng, lối đi sân bê tông, mái tôn, tường rào xây gạch xi, đá ong, cổng, 01 giếng nước và 01 cây sấu. Tổng trị giá 2.008.732.000 đ (hai tỷ không trăm lẻ tám triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn đồng). *(có sơ đồ chi tiết kèm theo bản án).*

Chị Gi được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục cập nhật, điều chỉnh, biến động và thay đổi về chủ thể có quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Buộc chị Nguyễn Thị Gi phải thanh toán cho anh Nguyễn Văn H $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung số tiền là 1.004.366.000 đồng (một tỷ không trăm linh bốn triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn đề nghị thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Gi phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 42.131.000đ (bốn mươi hai triệu một trăm ba mươi một nghìn đồng đã làm tròn) án phí chia tài sản, nhưng được trừ số tiền 18.300.000đ (mười tám triệu ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0000850 ngày 22/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị Gi còn phải nộp số tiền 24.131.000 đ (hai mươi tư triệu một trăm ba mươi một nghìn đồng).

Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí chia tài sản là 42.131.000đ (bốn mươi hai triệu một trăm ba mươi một nghìn đồng đã làm tròn).

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- UBND xã Lãng Công;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên**

Khương Đặng Khánh Hằng

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khương Đặng Khánh Hằng

